

Bản án số: 23/2025/DSST

Ngày: 31-7-2025

V/v: “*tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có: Thẩm phán - Chủ  
tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương Anh *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Nhân.

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thạch Thị Thi – Thư ký viên Tòa án nhân  
dân Khu vực 2.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tham gia  
phiên tòa:*** ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm  
2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét  
xử số: 84/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** bà Phạm Thị Thu Tr\*\*, sinh năm 19\*\*.

Địa chỉ: 12\*\*-Bùi Hữu N\*\*, phường Long T\*\*, TP. Cần T\*\*.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Hiếu T\*\*, sinh năm 19\*\*. Có mặt.

Địa chỉ: L4\*-6\*, đường 3\*, KV\*, phường Bình T\*\*, TP. Cần T\*\*.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T\*\*, sinh năm 19\*\*. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1\*, KV Bình Dương \*, phường Long T\*\*, TP. Cần T\*\*.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện  
ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Nguyên trước đây, do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn T\*\* nhiều  
lần vay tiền của bà T\*\* với lý do để làm ăn. Thời gian đầu thì ông T\*\* có trả lãi hàng  
tháng cho bà T\*\* đầy đủ.

Đến ngày 22/02/2024, ông T\*\* đã vay của bà T\*\* với tổng số tiền: 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng. Ông T\*\* có lập tờ tam kết cùng ngày 22/02/2024 với nội dung có vay của bà Phạm Thị Thu T\*\* số tiền 185.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và hứa từ ngày 22/02/2024 đến ngày 22/05/2024 cam kết trả vốn lãi đầy đủ. Tuy nhiên, sau đó ông T\*\* không thực hiện đúng như cam kết, không trả lãi hàng tháng và đến hạn trả tiền cũng không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Bà T\*\* nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T\*\* trả nợ nhưng lần nào ông T\*\* cũng chỉ hứa hẹn chứ không trả tiền.

Nay bà T\*\* yêu cầu ông T\*\* có trách nhiệm trả cho bà T\*\* số tiền gốc: 185.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 22/02/2024 đến ngày 22/03/2025 (tương đương 13 tháng):  $185.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 36,075.000 \text{ đồng}$ . Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,5%/tháng tính từ ngày 22/03/2025 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/7/2025, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể: Tổng số nợ gốc ông T\*\* còn nợ bà T\*\* là 145.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng là tiền lãi bà T\*\* cộng vào mới ra biên nhận nợ 185.000.000 đồng. Nay bà T\*\* yêu cầu ông T\*\* trả nợ gốc là 145.000.000 đồng và lãi 1,5%/tháng, thời hạn trả lãi tính tương ứng với từng khoản vay. Cụ thể: vay 30.000.000 đồng thời hạn tính lãi từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2025 = 29 tháng; khoản vay 100.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2025 = 27 tháng; khoản vay 15.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2025 = 25 tháng.

Bà Trang đồng ý trừ ra số tiền lãi 2.000.000 đồng mà ông T\*\* đã đóng.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T\*\* trình bày:*

Trước đây ông đã vay tiền của bà T\*\* nhiều lần và có cầm cố tài sản (Cavet xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), quá trình vay mượn có vay có trả nên ông cũng không nhớ rõ số nợ cụ thể, nhưng ông xác định hiện tại ông chỉ còn nợ bà T\*\* số tiền 40.000.000 đồng và đã đóng lãi cho bà T\*\* rất nhiều lần lãi 10%/tháng do lâu rồi nên không nhớ rõ và cũng không có chứng cứ gì chứng minh, chỉ có 01 lần ông nhờ con là Nguyễn Thị Yến N\*\* chuyển 2.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản của con bà T\*\* ông Đặng Phương Dũng L\*\*, còn số tiền vay 100.000.000 đồng ngày 10/4/2023 ông đã trả cho bà T\*\* mà không có lấy lại biên nhận nợ gốc từ bà T\*\* do tin tưởng nhau. Lý do ông viết tờ cam kết ngày 22/02/2024 cho bà T\*\* là bà T\*\* cộng tiền gốc 35.000.000 đồng và cộng lãi từ nhiều năm trước đó do lâu rồi ông không còn nhớ rõ mới thành ra số tiền 185.000.000 đồng. Nay ông xác định chỉ còn nợ bà T\*\* số tiền

40.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho bà T\*\* số tiền này và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện sửa đổi bổ sung, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 145.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm. Cụ thể: vay 30.000.000 đồng thời hạn tính lãi từ ngày 13/02/2023; khoản vay 100.000.000 đồng lãi tính từ ngày 10/4/2023; khoản vay 15.000.000 đồng lãi tính từ ngày 03/6/2023. Bà T\*\* đồng ý trừ ra số tiền 2.000. 000 đồng mà ông T\*\* đã đóng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: bà Phạm Thị Thu T\*\* khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T\*\* trả số tiền còn nợ nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Nguyễn Văn T\*\* có hộ khẩu thường trú tại phường Long T\*\*, thành phố Cần T\*\* nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị Thu T\*\* khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T\*\* trả số tiền còn nợ là 145.000.000 đồng theo tờ cam kết ngày 10/4/2023, ông T\*\* mượn bà T\*\* 100.000.000 đồng; Ngày 13/02/2023, ông T\*\* mượn bà T\*\* số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 03/6/2023, ông T\*\* mượn bà T\*\* 15.000.000 đồng (số tiền này ông T\*\* chia lại từ khoản vay 50.000.000 đồng của ông Lương Văn M\*\* vay bà T\*\*), bà T\*\* cho

rằng từ khi vay đến nay ông T\*\* chỉ đóng lãi được 2.000.000 đồng. Bị đơn ông T\*\* cho rằng đối với 03 khoản nợ nêu trên ông đã trả được 105.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền gốc, nhưng do tin tưởng lẫn nhau nên khi trả nợ gốc ông cũng không lấy lại biên nhận nợ và khi đóng lãi bằng tiền mặt, hai bên không có làm biên nhận với nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền nợ gốc 145.000.000 đồng và bị đơn cũng đã thừa nhận. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng đã trả được nợ gốc số tiền 105.000.000 đồng nhưng không lấy lại biên nhận nợ gốc và cũng không có chứng cứ để chứng minh, hàng tháng đối với từng khoản vay bị đơn đóng lãi 10%/tháng trên số nợ gốc nhưng cũng không có giấy tờ gì chứng minh nên lời trình bày của bị đơn về việc đã trả 105.000.000 đồng và lãi 10%/tháng/trên dư nợ gốc cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T\*\* có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T\*\* tổng số nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Số tiền 15.000.000 đồng: thời gian tính lãi từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2025 = 25 tháng ( $15.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 3.125.000 \text{ đồng}$ ).
- Số tiền 100.000.000 đồng: thời gian tính lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2025 = 27 tháng ( $100.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 27 \text{ tháng} = 22.500.000 \text{ đồng}$ ).
- Số tiền 30.000.000 đồng: thời gian tính lãi từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2025 = 29 tháng ( $30.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 29 \text{ tháng} = 7.250.000 \text{ đồng}$ ).

Tổng nợ gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 177.875.000 đồng trừ đi 2.000.000 đồng bị đơn đã trả, số tiền còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 175.875.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T\*\* phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T\*\* được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng:** Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T\*\*.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T\*\* có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T\*\* số tiền nợ gốc là 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) và lãi 30.875.000 đồng. Tổng số tiền ông T\*\* có trách nhiệm trả cho bà T\*\* là 175.875.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T\*\* phải chịu số tiền là 8.793.750 đồng (*Tám triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà T\*\* được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.527.000 đồng (*Năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số 0000222 ngày 12/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy cũ (nay là Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ - Khu vực 2).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tiếp theo của ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TPCT;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCT;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2;
- Phòng THADS KV2;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

- Các đương sự;      - Lưu VP.

**Trần Thị Phương Anh**